

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP CẢ NĂM
LỚP: 6A4 - GVCN: NGUYỄN HỒNG PHƯỚC - NĂM HỌC: 2020-2021

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Toán	Vật lí	Sinh học	Ngữ văn	Lịch Sử	Địa Lí	Ngoại ngữ	GDCD	Công nghệ	Thể dục	Âm nhạc	Mĩ thuật	Tin học	ĐTB	XLHL	XLHK	DHTD	K.Quả
1	Hồ Đắc	An		4.7	6.2	4.9	5.0	6.8	6.4	4.5	5.9	7.1	Đ	Đ	Đ	7.0	5.9	Tb	K		Lên lớp
2	Lại Nguyễn Hoàng	An		4.7	6.1	4.2	5.5	6.2	5.9	4.3	5.9	7.3	Đ	Đ	Đ	6.1	5.6	Tb	K		Lên lớp
3	Phan Ngọc Hoàng	Anh	x	6.3	7.4	8.1	7.2	8.6	7.3	7.0	8.9	7.7	Đ	Đ	Đ	8.9	7.7	K	T	TT	Lên lớp
4	Phạm Gia	Bảo		8.1	8.7	9.2	7.7	9.3	9.5	9.3	9.8	8.8	Đ	Đ	Đ	9.4	9.0	G	T	G	Lên lớp
5	Phạm Mỹ	Bình	x	8.4	8.9	8.9	7.3	9.2	9.4	9.0	9.3	7.7	Đ	Đ	Đ	9.6	8.8	G	T	G	Lên lớp
6	Dương Ngọc	Châu	x	5.6	6.5	7.0	7.5	6.3	8.5	6.2	8.7	8.3	Đ	Đ	Đ	9.2	7.4	K	T	TT	Lên lớp
7	Phạm Đức	Chí		6.9	8.3	8.1	6.3	8.2	9.2	7.4	8.6	7.5	Đ	Đ	Đ	9.4	8.0	K	T	TT	Lên lớp
8	Vũ Đức	Duy		5.5	7.5	6.7	5.9	8.0	8.5	6.8	7.5	7.7	Đ	Đ	Đ	8.8	7.3	K	T	TT	Lên lớp
9	Nguyễn Phúc	Đạt		7.7	9.0	8.7	6.9	8.8	9.2	7.6	9.6	7.6	Đ	Đ	Đ	9.3	8.4	K	T	TT	Lên lớp
10	Hoàng Quỳnh	Giao	x	6.8	9.2	9.0	7.6	9.4	9.7	7.8	9.4	8.5	Đ	Đ	Đ	9.9	8.7	K	T	TT	Lên lớp
11	Nguyễn Hoàng	Hà	x	7.6	8.3	8.4	6.9	9.3	9.2	9.4	8.9	8.5	Đ	Đ	Đ	9.5	8.6	G	T	G	Lên lớp
12	Nguyễn Ngọc	Hải		4.6	6.4	6.3	4.9	5.6	6.2	5.5	8.0	6.5	Đ	Đ	Đ	8.1	6.2	Tb	T		Lên lớp
13	Trần Ngọc Phương	Hiếu	x	6.6	8.4	8.2	7.4	8.2	8.7	6.9	8.9	8.7	Đ	Đ	Đ	9.1	8.1	K	T	TT	Lên lớp
14	Dương Thanh Trường	Huy		3.4	5.3	4.3	3.7	4.0	7.9	4.1	8.4	6.8	Đ	CD	Đ	8.2	5.6	Y	Tb		Thi lại
15	Trịnh Ngô Văn	Hưng		6.9	8.7	9.0	7.8	8.3	8.4	7.6	9.2	8.1	Đ	Đ	Đ	9.2	8.3	K	T	TT	Lên lớp
16	Nguyễn Minh	Kha		8.5	9.3	8.6	7.3	9.0	8.7	8.0	9.5	7.9	Đ	Đ	Đ	9.6	8.6	G	T	G	Lên lớp
17	Ngô Tấn	Khang		5.2	6.5	7.5	6.7	9.2	5.7	5.0	9.0	7.6	Đ	Đ	Đ	8.5	7.1	K	T	TT	Lên lớp
18	Thạch Vĩnh	Khang		4.5	5.0	5.2	5.3	3.7	5.4	5.0	6.6	7.2	Đ	Đ	Đ	8.2	5.6	Tb	T		Lên lớp
19	Vũ Hồ Anh	Khoa		6.8	7.9	8.7	7.7	8.6	8.9	9.2	9.6	8.2	Đ	Đ	Đ	9.1	8.5	G	T	G	Lên lớp
20	Ngô Thị Mỹ	Kỳ	x	9.6	10	9.9	9.5	10	9.6	9.8	9.8	9.4	Đ	Đ	Đ	10	9.8	G	T	G	Lên lớp
21	Trần Mỹ	Linh	x	8.3	9.6	9.6	8.7	9.2	9.6	8.8	9.5	9.1	Đ	Đ	Đ	10	9.2	G	T	G	Lên lớp
22	Trần Huy	Lộc		6.7	7.7	6.9	5.6	6.8	5.7	4.8	7.7	7.6	Đ	Đ	Đ	8.9	6.8	Tb	T		Lên lớp
23	Nguyễn Cảnh Thanh	Lộc		4.4	6.1	7.2	6.0	4.9	6.5	5.7	7.4	8.0	Đ	Đ	Đ	8.2	6.4	Tb	T		Lên lớp
24	Phạm Ngọc Quang	Minh		5.6	6.1	5.7	4.3	6.7	6.7	4.2	7.1	6.2	Đ	Đ	Đ	7.1	6.0	Tb	T		Lên lớp
25	Lê Mai Hải	My	x	7.7	7.6	7.3	7.0	6.2	8.1	6.4	7.9	7.9	Đ	Đ	Đ	9.5	7.6	K	T	TT	Lên lớp
26	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	x	6.4	6.3	7.3	7.2	6.2	7.8	6.3	8.4	9.0	Đ	Đ	Đ	9.2	7.4	K	T	TT	Lên lớp
27	Mai Xuân	Ngọc		5.4	6.2	4.6	4.1	5.2	6.0	4.3	5.1	6.2	Đ	Đ	Đ	6.4	5.4	Tb	K		Lên lớp
28	Võ Thành	Nhân		6.2	7.1	6.2	5.8	5.6	7.7	6.7	8.4	8.3	Đ	Đ	Đ	8.5	7.1	K	T	TT	Lên lớp
29	Trương Vũ Quang	Nhật		5.2	5.7	5.2	4.9	5.9	7.9	5.0	8.3	8.3	Đ	Đ	Đ	7.6	6.4	Tb	T		Lên lớp
30	Đào Ngọc	Nhi	x	9.4	9.9	9.9	8.5	9.9	9.7	9.6	9.2	9.5	Đ	Đ	Đ	9.8	9.5	G	T	G	Lên lớp
31	Võ Thị Tuyết	Nhi	x	7.4	8.7	8.7	7.6	8.5	8.8	8.1	8.8	8.2	Đ	Đ	Đ	9.7	8.5	G	T	G	Lên lớp
32	Lê Lý Hồng	Nhung	x	5.4	7.9	7.3	7.1	7.8	7.5	7.5	9.2	8.6	Đ	Đ	Đ	8.6	7.7	K	T	TT	Lên lớp
33	Nguyễn Văn Nhật	Phát		5.3	6.1	5.6	5.9	6.1	6.7	4.8	7.0	7.7	Đ	Đ	Đ	9.4	6.5	Tb	T		Lên lớp
34	Hồng Gia	Phước		4.5	5.4	3.9	5.6	5.3	4.4	4.5	6.4	7.1	Đ	Đ	Đ	7.0	5.4	Tb	T		Lên lớp
35	Võ Hoàng	Phương	x	5.2	6.8	7.7	7.2	7.9	8.4	7.7	8.3	8.3	Đ	Đ	Đ	8.4	7.6	K	T	TT	Lên lớp
36	Trần Nguyễn Đức	Tài		6.5	7.4	5.6	5.5	4.5	7.0	6.5	7.0	7.1	Đ	Đ	Đ	7.4	6.5	Tb	T		Lên lớp
37	Trần Tấn	Tài		5.8	4.5	5.1	4.5	3.8	4.1	7.0	6.3	6.7	Đ	Đ	Đ	7.7	5.6	Tb	T		Lên lớp
38	Nguyễn Hoàng Minh	Thiên		5.3	7.1	7.2	6.2	7.4	7.2	6.1	7.9	7.2	Đ	Đ	Đ	7.6	6.9	Tb	T		Lên lớp
39	Nguyễn Anh	Thư	x	8.0	9.2	9.5	7.8	8.6	9.2	8.3	9.0	8.8	Đ	Đ	Đ	9.7	8.8	G	T	G	Lên lớp
40	Lê Thị	Trâm	x	7.4	9.5	8.7	7.6	9.7	9.3	6.9	9.5	8.6	Đ	Đ	Đ	9.9	8.7	K	T	TT	Lên lớp
41	Thạch Quang	Trung		3.5	5.0	2.9	2.7	4.3	5.0	4.4	4.1	4.9	Đ	Đ	Đ	5.7	4.3	Y	Tb		Thi lại
42	Văn Thanh	Tùng		6.9	9.0	8.1	7.5	7.9	7.8	7.5	9.1	8.5	Đ	Đ	Đ	8.5	8.1	K	T	TT	Lên lớp
43	Vũ Mai Cát	Tường	x	7.5	8.7	9.1	7.5	7.8	9.3	7.4	9.1	8.3	Đ	Đ	Đ	9.8	8.5	K	T	TT	Lên lớp
44	Lê Trí	Tường		3.8	5.8	5.4	5.2	4.9	6.1	4.7	6.2	7.9	Đ	Đ	Đ	8.7	5.9	Tb	T		Lên lớp
45	Vũ Đình	Văn		7.5	9.3	8.3	7.3	8.8	9.2	7.2	9.0	8.3	Đ	Đ	Đ	9.7	8.5	K	T	TT	Lên lớp
46	Mai Nguyễn Thanh	Vân	x	8.5	7.4	7.7	7.5	7.9	8.4	7.2	8.5	8.3	Đ	Đ	Đ	9.6	8.1	G	T	G	Lên lớp
47	Phạm Kim Nhật	Vy	x	7.0	8.5	8.6	7.2	8.6	8.3	7.1	8.7	8.7	Đ	Đ	Đ	9.2	8.2	K	T	TT	Lên lớp

Giáo viên chủ nhiệm xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)